

Số: 2242/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4317/TTr-SNN ngày 18 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục các thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Thủ tục hành chính: sửa đổi 12 thủ tục hành chính cấp tỉnh đã được ban hành theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Đồng Nai.

(Danh mục thủ tục hành chính kèm theo)

2. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử: Sửa đổi 12 quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh đã được ban hành theo Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Đồng Nai.

(Quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính kèm theo)

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các nội dung khác tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020, Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở làm việc, trên trang Thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị, địa phương; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/thay thế được công bố theo Quyết định này trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; cấu hình quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/thay thế được công bố theo Quyết định này trên Phần mềm một cửa điện tử (Egov) của tỉnh theo quy định. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KTN, KGVX, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Thời hạn giải quyết (Sửa đổi, bổ sung) ²	Địa điểm thực hiện (Sửa đổi, bổ sung) ³	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ⁴	Ghi chú ⁵
LĨNH VỰC THỦY LỢI								
1.	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bản, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng; khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngăn thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	25 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được

¹ Phần chữ In nghiêng là Nội dung sửa đổi, bổ sung.
² Phần chữ In nghiêng là Nội dung sửa đổi, bổ sung.
³ Phần chữ In nghiêng là Nội dung sửa đổi, bổ sung.
⁴ Phần chữ In nghiêng là Nội dung sửa đổi, bổ sung.
⁵ Đã được cập nhật công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-thc-quyet-dinh-cong-bo-chi-tiet.html?ma_quyet_dinh=77585).

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Thời hạn giải quyết (Sửa đổi, bổ sung) ²	Địa điểm thực hiện (Sửa đổi, bổ sung) ³	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ⁴	Ghi chú ⁵
2.	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
							định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Thời hạn giải quyết (Sửa đổi, bổ sung) ²	Địa điểm thực hiện (Sửa đổi, bổ sung) ³	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ⁴	Ghi chú ⁵
3.	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. (Tên cũ: Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh)	15 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, 21, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3216 /QĐ-BNN-TL ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4.	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy,	07 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Thời hạn giải quyết (Sửa đổi, bổ sung) ²	Địa điểm thực hiện (Sửa đổi, bổ sung) ³	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ⁴	Chú chú ⁵
		phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh. (Tên cũ: Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh)		https://dichvucong.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- ngành và PTNT. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai		- Điều 13, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018. - Khoản 8, 9 - Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	số 3216 /QĐ-BNN-TL ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5.	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018. - Khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3216 /QĐ-BNN-TL ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Thời hạn giải quyết (Sửa đổi, bổ sung) ²	Địa điểm thực hiện (Sửa đổi, bổ sung) ³	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ⁴	Ghi chú ⁵
							tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	
6.	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. (Tên cũ: Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh)	15 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018. - Khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3216 /QĐ-BNN-TL ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7.	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ. (Tên cũ: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép	10 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cơ quan có thẩm quyền quyết	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Khoản 1, 2 Điều 29 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3216 /QĐ-BNN-TL ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Bộ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Thời hạn giải quyết (Sửa đổi, bổ sung) ²	Địa điểm thực hiện (Sửa đổi, bổ sung) ³	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ⁴	Ghi chú ⁵
		hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh)			định: UBND tỉnh Đồng Nai		- Khoản 10, điểm c - khoản 11 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8.	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. (Tên cũ: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh)	10 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, khoản 1, 2 Điều 29 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 10, 11 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Thời hạn giải quyết (Sửa đổi, bổ sung) ²	Địa điểm thực hiện (Sửa đổi, bổ sung) ³	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ⁴	Ghi chú ⁵
9.	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lắp bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngăn thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai	Không	ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, khoản 1, 2 Điều 29 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 10, 11 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Thời hạn giải quyết (Sửa đổi, bổ sung) ²	Địa điểm thực hiện (Sửa đổi, bổ sung) ³	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ⁴	Ghi chú ⁵
10.	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	05 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, khoản 1, 2 Điều 29 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 10, 11 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Thời hạn giải quyết (Sửa đổi, bổ sung) ²	Địa điểm thực hiện (Sửa đổi, bổ sung) ³	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung) ⁴	Ghi chú ⁵
11.	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	03 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 17, Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 8, Khoản 12 - Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023).	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12.	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	03 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 17, Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 8, Khoản 12 - Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023).	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3216/QĐ-BNN-TL ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Phần I

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH

STT	Mã TTHC	Tên quy trình (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Thời hạn giải quyết (Sửa đổi, bổ sung) ²	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ (Sửa đổi, bổ sung) ³	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Trang
LĨNH VỰC THỦY LỢI						
1.	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bản, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	25 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvu.cong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvu.cong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	05
2.	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. (Tên cũ: Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh)	15 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvu.cong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvu.cong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	06
3.	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm	15 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ:	Sửa đổi, bổ sung	07

¹ Phần chữ In nghiêng là Nội dung sửa đổi, bổ sung.

² Phần chữ In nghiêng là Nội dung sửa đổi, bổ sung.

³ Phần chữ In nghiêng là Nội dung sửa đổi, bổ sung.

STT	Mã TTHC	Tên quy trình (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Thời hạn giải quyết (Sửa đổi, bổ sung) ²	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ (Sửa đổi, bổ sung) ³	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Trang
		quyền cấp phép của UBND tỉnh. (Tên cũ: Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh)		https://dichvu.cong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvu.cong.gov.vn		
4.	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh. (Tên cũ: Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh)	07 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvu.cong.dongnai.gov.vn https://dichvu.cong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	08
5.	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvu.cong.dongnai.gov.vn https://dichvu.cong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	09
6.	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. (Tên cũ: Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh)	15 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvu.cong.dongnai.gov.vn https://dichvu.cong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	10
7.	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao,	10 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvu.cong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	11

STT	Mã TTHC	Tên quy trình (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Thời hạn giải quyết (Sửa đổi, bổ sung) ²	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ (Sửa đổi, bổ sung) ³	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Trang
		ngiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ. (Tên cũ: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh)		cong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvu.cong.gov.vn		
8.	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. (Tên cũ: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh)	10 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvu.cong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvu.cong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	12
9.	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. (Tên cũ: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh)	15 ngày làm việc	Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvu.cong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvu.cong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	13

STT	Mã TTHC	Tên quy trình (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Thời hạn giải quyết (Sửa đổi, bổ sung) ²	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ (Sửa đổi, bổ sung) ³	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Trang
10.	2.001401	<i>Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.</i> (Tên cũ: Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh)	05 ngày làm việc	<i>Nộp trực tuyến tại địa chỉ:</i> https://dichvu.cong.dongnai.gov.vn <i>hoặc</i> https://dichvu.cong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	14
11.	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	03 ngày làm việc	<i>Nộp trực tuyến tại địa chỉ:</i> https://dichvu.cong.dongnai.gov.vn <i>hoặc</i> https://dichvu.cong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	15
12.	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	03 ngày làm việc	<i>Nộp trực tuyến tại địa chỉ:</i> https://dichvu.cong.dongnai.gov.vn <i>hoặc</i> https://dichvu.cong.gov.vn	Sửa đổi, bổ sung	16

Phần II

QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ SỬA ĐỔI BỔ SUNG

1. Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết 25 ngày làm việc
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi xử lý	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng chuyên môn Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	14
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,5
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	Văn phòng UBND tỉnh	8
Nhận kết quả từ UBND tỉnh và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

2. Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết 15 ngày làm việc
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi xử lý	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng chuyên môn Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	8
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,5
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	Văn phòng UBND tỉnh	4
Nhận kết quả từ UBND tỉnh và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

3. Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết 15 ngày làm việc
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi xử lý	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng chuyên môn Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	8
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,5
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	Văn phòng UBND tỉnh	4
Nhận kết quả từ UBND tỉnh và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

4. Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết 07 ngày làm việc
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi xử lý	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng chuyên môn Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	2,5
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,5
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	Văn phòng UBND tỉnh	1,5
Nhận kết quả từ UBND tỉnh và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

5. Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết 10 ngày làm việc
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi xử lý	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng chuyên môn Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	4
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,5
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	Văn phòng UBND tỉnh	3
Nhận kết quả từ UBND tỉnh và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

6. Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết 15 ngày làm việc
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi xử lý	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng chuyên môn Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	8
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,5
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	Văn phòng UBND tỉnh	4
Nhận kết quả từ UBND tỉnh và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

7. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết 10 ngày làm việc
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi xử lý	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng chuyên môn Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	4
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,5
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	Văn phòng UBND tỉnh	3
Nhận kết quả từ UBND tỉnh và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

8. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết 10 ngày làm việc
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi xử lý	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng chuyên môn Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	4
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,5
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	Văn phòng UBND tỉnh	3
Nhận kết quả từ UBND tỉnh và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

9. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết 15 ngày làm việc
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
Nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi xử lý	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng chuyên môn Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	8
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,5
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,5
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	Văn phòng UBND tỉnh	4
Nhận kết quả từ UBND tỉnh và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

10. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết 05 ngày làm việc
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,25
Nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi xử lý	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,25
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng chuyên môn Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	2
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,25
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,25
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,25
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	Văn phòng UBND tỉnh	1,5
Nhận kết quả từ UBND tỉnh và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,25

11. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết 03 ngày làm việc
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,25
Nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi xử lý	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,25
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng chuyên môn Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	1
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,25
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,25
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,25
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	Văn phòng UBND tỉnh	0,5
Nhận kết quả từ UBND tỉnh và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,25

12. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết 03 ngày làm việc
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,25
Nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi xử lý	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,25
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng chuyên môn Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	1
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	0,25
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	0,25
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,25
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	Văn phòng UBND tỉnh	0,5
Nhận kết quả từ UBND tỉnh và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,25